

TÓM LƯỢC TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THÁNG 12 VÀ CẢ NĂM 2023

Số liệu về tăng trưởng kinh tế thế giới và trong nước cho thấy sự sụt giảm do biến động địa chính trị thế giới, lạm phát. Các nhân tố bất lợi dồn dập xuất hiện, đan xen phức tạp khiến vấn đề suy thoái càng trở nên khó giải quyết hơn. Sự suy giảm, bất ổn của các nền kinh tế đối tác lớn đã ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường cho sản phẩm xuất khẩu chủ lực, các ngành phụ trợ. Trong khi đó, giá cả hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng có xu hướng tăng cao hơn trong các tháng cuối năm kéo theo chỉ số tiêu thụ hàng hóa có xu hướng giảm dần. Trước những khó khăn “bủa vây” như vậy, nhiều thị trường lớn của các doanh nghiệp trong tỉnh đều gặp khó khăn. Điều này cho thấy, các hạn chế tồn tại bộc lộ rõ hơn trong khó khăn, 6 tháng đầu năm 2023, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bị giảm sâu (-12,18%) so với cùng kỳ (CK). Những nỗ lực đem lại sự cải thiện trong nền kinh tế từ các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh, sự gắng sức của cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trong tỉnh nhưng chưa đủ sức để GRDP có mức tăng trưởng dương; tuy nhiên, 6 tháng cuối năm 2023, GRDP chỉ còn giảm (-6,76%) so với CK.

1. Tăng trưởng kinh tế: Theo số liệu Tổng cục Thống kê tính toán, tổng hợp và thông báo, GRDP của tỉnh năm 2023 theo giá so sánh 2010 ước đạt 126.483 tỷ đồng, so với CK giảm nhiều (-9,28%). Đây là mức giảm nhiều nhất từ trước đến nay và cũng là tỉnh có mức giảm sâu nhất trong 63 tỉnh, thành phố. Diễn biến chỉ số tăng trưởng GRDP qua các quý như sau: Sơ bộ quý I giảm mạnh (-11,38%); sang quý II tiếp tục giảm nhiều hơn (-13,01%); thì đến quý III đã cải thiện chỉ còn giảm ở mức một con số (-5,89%); tuy nhiên đến quý IV mức giảm lại tăng lên (-7,56%). Xét 3 khu vực kinh tế trong năm 2023: Có 02 khu vực, Nông, lâm nghiệp, thủy sản (NLTS) và Công nghiệp - xây dựng (CN-XD) đều bị giảm, trong đó khu vực CN-XD chiếm tỷ trọng nhiều nhất thì giảm (-13,24%), tiếp đến là khu vực NLTS (-2,31%); riêng khu vực dịch vụ duy trì tăng trưởng dương nhưng không cao (+3,63%).

2. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: Tổng thu đang giảm so với cùng kỳ năm trước trong khi tổng chi lại vẫn tăng lên. *Tính chung cả năm 2023*, tổng thu NSNN ước đạt 29.345 tỷ đồng, bằng 92,8% dự toán năm 2023 và (-5,3%) so với CK. Chi ngân sách địa phương ước đạt 18.755 tỷ đồng, bằng 92,3% dự toán năm 2023 và (+21,3%) so với CK; Ngân hàng - tín dụng: Do giảm lãi suất cho vay nên tổng vốn huy động trên địa bàn tỉnh tăng thấp, đạt 232.000 tỷ đồng, (+2,1%) so với cùng thời điểm tháng trước và (+3,4%) so với thời điểm cuối năm 2022. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, nên khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, các cơ sở kinh tế cá thể trên địa bàn còn yếu. *Ước tính đến cuối tháng 12*, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh ước đạt 163.000 tỷ đồng (+3,3%) so với cùng thời điểm tháng trước và (+11,9%) so với thời điểm cuối năm 2022 (*không đạt kế hoạch đề ra là tăng 14-15%*); Bảo hiểm xã hội: Cả năm 2023, mặc dù tình hình kinh tế và quy mô lao động giảm xuống nhưng số lượng người tham

gia bảo hiểm vẫn giữ ổn định và tăng lên, ước tính cả năm 2023 tăng nhẹ (+0,9%) so với cùng kỳ năm trước.

3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ: CPI Bình quân cả năm 2023, CPI tăng 3,42% so với năm trước, đạt mục tiêu đề ra của Chính phủ là kiểm soát CPI tăng dưới 4%; Giá vàng và đô la Mỹ biến động theo thị trường thế giới, bình quân cả năm 2023, giá vàng tăng gấp hơn 2 lần đô la Mỹ có mức tăng lần lượt là (+5,49%) và (+2,04%).

4. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh (VĐT thực hiện)

- *Xét chung VĐT thực hiện: Lũy kế cả năm 2023*, VĐT thực hiện theo giá hiện hành ước đạt 55.445 tỷ đồng, giảm 12,8% so với CK, bao gồm: Vốn Nhà nước đạt 7.997 tỷ đồng (-6,2%); Vốn ngoài Nhà nước đạt 16.659 tỷ đồng (-31,3%); Vốn doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 30.789 tỷ đồng (-0,2%)

Xét riêng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (VĐT thực hiện từ NSDP): Lũy kế cả năm 2023, ước đạt 5.968 tỷ đồng (-6,4%) so với CK. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của NSNN do tỉnh quản lý đạt tỷ lệ thấp mới đạt 72,4% kế hoạch vốn năm 2023

5. Về thu hút đầu tư: Đầu tư cả trong nước và nước ngoài (FDI) cùng giảm xuống, đặc biệt FDI giảm nhiều, do đó làm thiếu đi động lực tăng trưởng kinh tế kịp thời; cụ thể là:

- Thu hút đầu tư trong nước: *Tính từ đầu năm đến 20/12/2023*, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 23 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 4.872 tỷ đồng; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 98 dự án đầu tư với tổng số vốn điều chỉnh tăng 884,3 tỷ đồng, trong đó có 22 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng là 2.484,4 tỷ VNĐ; 06 dự án giảm vốn với tổng số vốn điều chỉnh giảm là 1.600,1 tỷ đồng; thực hiện thu hồi 16 dự án với tổng số vốn đầu tư là 64 tỷ đồng.

- Thu hút đầu tư FDI: *Tính từ đầu năm đến 20/12/2023*, toàn tỉnh đã thu hút về số lượng được 381 dự án FDI đăng ký cấp mới (tăng 231 dự án) so với CK.

Biểu 01. Vốn đầu tư FDI được cấp phép

	Từ 21/12/2022 đến 20/12/2023 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.676,2	78,9
Vốn đăng ký mới	1.104,9	272,3
Vốn điều chỉnh	650,4	36,9
Góp vốn, mua cổ phần	23,4	48,7
Thu hồi	102,5	102,1

6. Tình hình hoạt động và xu hướng SXKD của doanh nghiệp

- Đăng ký doanh nghiệp (DN) trong nước: *Tính chung cả năm 2023*, Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2023 là 3.461 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 34.333 tỷ đồng, so với CK, tăng 28,4% về số doanh nghiệp và tăng 51,9% về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,9 tỷ đồng tăng 18,3%.

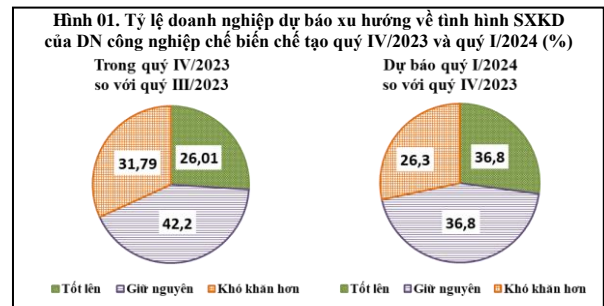
Biểu 02. Doanh nghiệp tham gia và rút lui khỏi thị trường năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp

	Tham gia		Rút lui	
	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	4.354	123,9	2.288	125,9
Công ty TNHH 1 thành viên	3.283	131,0	1.603	129,1
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	690	120,8	372	116,9
Công ty Cổ phần	375	88,7	187	124,6
Doanh nghiệp Tư nhân	6	46,2	16	106,3
Công ty Hợp danh	-	-	-	-

- Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh từ các doanh nghiệp công nghiệp ngành chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh trong quý IV/2023 cho thấy nhận định xu hướng kinh doanh có xu hướng xấu hơn so với quý III/2023.

7. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Ước tính kết quả sản xuất cả năm 2023: ước đạt 70.568 ha, bằng 97,31%, giảm 2,69% (tức giảm 1.947 ha) so với CK, Trong đó: *Cây lúa*, diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 58.628,5 ha, giảm 2,44% (tức giảm 1.467 ha); năng suất lúa cả năm ước đạt 64,05 tạ/ha, bằng 98,23% so với năng suất CK và sản lượng ước đạt trên 375,5 nghìn tấn, giảm 4,17% (tức giảm 16,4 nghìn tấn); *Cây rau, đậu và hoa*, tổng diện tích gieo trồng ước đạt 7.794 ha, bằng 95,05%, giảm 4,95% (tức giảm 405,7 ha) so với CK



Biểu 03. Số liệu đầu con vật nuôi, gia súc gia cầm

	Đơn vị tính	Thời điểm 30/12/2023	So với cùng thời điểm năm trước (%)
Đàn trâu	Con	3.989	119,9
Đàn bò	”	18.800	74,2
Đàn lợn	”	301.000	100,6
Gia cầm	Nghìn con	5.900	93,4
Trong đó: gà	”	4.700	95,9

Lũy kế cả năm 2023, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng đạt 81.446 tấn giảm nhẹ (-0,9%) so với CK.

Hoạt động lâm nghiệp: *Trồng cây phân tán:* Trồng mới được 315.656 cây các loại, đạt 105,2% kế hoạch năm;; *Khai thác gỗ và lâm sản:* *Ước tính cả năm 2023*, tổng số gỗ khai thác ước đạt 3.400,8 m³, giảm 4,43% (tức giảm 157,7 m³); khai thác được 3.638,8 ste củi, giảm 3,31% (tức giảm 124,5 ste) so với CK.

Diện tích nuôi trồng thủy sản ao đất là 4.787,8 ha, giảm 0,8% so với CK. Số lồng nuôi cá trên sông hiện có 2.629 lồng (tăng 220 lồng, tức tăng 9,1%) so với

CK. *Lũy kế cả năm 2023*, Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 41.261 tấn, tăng 2,1% so với CK (Trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 40.219 tấn, chiếm tỷ trọng chủ yếu 97,5%, tăng 2,2%)

8. Sản xuất công nghiệp:

8.1. *Chỉ số IIP: Tính chung cả năm 2023*: IIP toàn ngành công nghiệp giảm khá nhiều (-11,34%). Đây cũng là mức giảm sâu nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Trong đó, chỉ giảm ở ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (-11,44%); ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng và hơi nước (+1,35%); ngành cung cấp, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+7,84%).

Biểu 04. Tốc độ tăng/giảm IIP cả năm qua các năm so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm

	ĐVT: %				
	2019	2020	2021	2022	2023
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	-11,24	4,05	10,39	6,74	-11,02
Sản xuất trang phục	20,48	-26,41	53,53	-0,70	-24,25
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	5,23	7,24	9,76	2,52	-19,75
Sản xuất kim loại	-1,58	-7,36	3,39	-0,94	6,36
Sản xuất thiết bị điện	-0,42	-12,85	7,05	-26,17	-26,35
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-16,51	-24,86	-28,24	-17,78	-12,24

8.2. *Chỉ số sử dụng lao động của DN công nghiệp: Tính chung cả năm 2023*, (-7,26%) so CK. Xét theo ngành cấp 1: Công nghiệp chế biến, chế tạo (-7,36%); SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (-0,05%); Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-1,82%).

9. Thương mại và dịch vụ: *Tính chung cả năm 2023*, TM&DV ước đạt 91.356 tỷ đồng, so CK tăng nhiều (+15,4%). Cụ thể: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 69.358 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhiều nhất 75,9% và (+12,8%) so với CK; tiếp theo là ngành dịch vụ ước đạt 13.022 tỷ đồng, chiếm 14,3% và (+22,1%); dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 8.795 tỷ đồng, chiếm 9,6% và (+25,5%); riêng ngành du lịch lữ hành ước đạt 181 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất 0,2% nhưng đạt mức tăng đột biến (+339,6%).

10. Xuất nhập khẩu hàng hóa¹: (*Số liệu xuất nhập khẩu không có số liệu ước tính tháng 12/2023 - Theo nguồn của Tổng cục Hải quan*).

Lũy kế 11 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 66,8 tỷ USD, giảm nhiều (-14,9%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 36,4 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước giảm nhiều (-14,3%), xuất khẩu trên địa bàn tỉnh duy trì vị trí thứ 2 cả nước (sau TPHCM đạt 38,5 tỷ USD); kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 30,4 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước giảm nhiều (-15,7%). Nhập khẩu trên địa bàn tỉnh duy trì vị trí thứ 3 cả nước (sau TPHCM đạt 50,4 tỷ USD và Hà Nội đạt 34 tỷ USD)

¹ Nguồn: Website Tổng cục Hải Quan (Số liệu sơ bộ của tháng trước, không có ước tính của tháng báo cáo).

11. Hoạt động vận tải: *Tính chung cả năm 2023*, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 20.154 nghìn lượt hành khách (+53,5%) so với CK; khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 732,3 triệu lượt khách.km (+50,7%). Khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 46.813 nghìn tấn (+17,3%) so với năm trước; khối lượng luân chuyển ước đạt 2.568 triệu tấn.km (+17%).

Tóm lại, Kết quả tăng trưởng kinh tế của năm 2023 có tác động rất lớn đến năm tiếp theo và mục tiêu tăng trưởng của cả giai đoạn 2021-2025. Với mức tăng trưởng kinh tế bị giảm 9,28% của năm 2023 thì bình quân mỗi năm giai đoạn 2021-2023 chỉ tăng 0,4%/năm (*thấp hơn nhiều so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra: Bình quân tăng 7-8%/năm*). Trong đó các động lực của tăng trưởng như: Xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài đều chịu tác động từ bên ngoài cụ thể là, xuất khẩu đơn đặt hàng bị giảm đã tác động đến sản xuất trong tỉnh và các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời tác động đến cả thu ngân sách của tỉnh. Vốn đầu tư với 3 dòng vốn, đầu tư công mặc dù có cải thiện hơn thời điểm 6 tháng đầu năm nhưng cả năm vẫn âm (-6,4%); Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn bị giảm nhẹ (-0,2%); trong khi đó vốn ngoài nhà nước không đạt như kỳ vọng (-31,3%); đây là các nhân tố chính ảnh hưởng xấu đến kinh tế của tỉnh.

Tuy nhiên, vẫn có những điểm sáng quan sát thấy được đó là: Xuất khẩu 6 tháng đầu năm giảm sâu (-19,5%) nhưng đến thời điểm hết tháng 11 mức giảm đã thấp hơn nhiều, chỉ còn (-14,3%); Tương tự, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) có thời điểm giảm rất nhiều (-32,69%) như hiện tại chỉ còn (-11,34%). Mức độ giảm đang ít đi có nghĩa là nền kinh tế đang tốt lên, nhưng chậm.

Một số khuyến nghị của cơ quan Thống kê:

Thứ nhất, Cần phải tiếp tục giữ được ổn định kinh tế của tỉnh. Tiếp đó cần đẩy mạnh giải quyết những điểm nghẽn lớn hiện nay đó là đầu tư công, nhất là giải ngân được nguồn vốn;

Hai là, phải có biện pháp tích cực hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân. Chú trọng việc khơi thông nguồn vốn, tạo môi trường lành mạnh;

Ba là, đặc biệt, tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số, chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo;

Bốn là, bên cạnh đó, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng cần phải cải thiện mô hình kinh doanh, tái sắp xếp lại chuỗi cung ứng đầu vào để tận dụng triệt để ưu đãi thuế quan từ các FTA và thâm nhập vào thị trường mới./.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH